



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM KHỎE TRỌN VẸN

Số tiền bảo hiểm **500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **14.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TẤT CẢ GIAI ĐOẠN CỦA BỆNH UNG THƯ

Nhận trước **150.000.000 đồng** cho Ung thư giai đoạn sớm hoặc Ung thư biểu mô tại chỗ.



Nhận tối thiểu **500.000.000 đồng** cho Ung thư nghiêm trọng.

Nhận thêm **500.000.000 đồng** cho Ung thư nghiêm trọng mở rộng.

BẢO VỆ TRƯỚC 68 BỆNH HIỂM NGHÈO

Nhận trước **150.000.000 đồng** cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm.



Nhận tối thiểu **500.000.000 đồng** cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng.

AN TÂM ĐIỀU TRỊ TẠI PHÒNG CHĂM SÓC ĐẶC BIỆT

Nhận thêm **150.000.000 đồng** khi điều trị liên tục 5 ngày trở lên tại Phòng Chăm sóc đặc biệt với nguyên nhân đến từ các loại bệnh và tai nạn.



BẢO VỆ TRỌN VẸN

Nhận hỗ trợ duy trì hiệu lực hợp đồng **28.000.000 đồng** khi được chẩn đoán Ung thư giai đoạn sớm, Ung thư biểu mô tại chỗ và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm.

Nhận **5.000.000 đồng** cho mỗi 5 Năm hợp đồng để hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư.

Nhận tối thiểu **500.000.000 đồng** khi tử vong hoặc tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn.

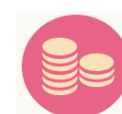


THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN

Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí **5% giá trị tài khoản cơ bản** vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20.

Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Linh hoạt rút tiền trong suốt thời hạn hợp đồng và **linh hoạt đóng phí** từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Anh Bảo	Nam	30	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng
<i>Sản phẩm chính</i> Khỏe Trọn Vẹn	Anh Bảo	30	Nam	Văn Phòng	70	70	500.000.000	14.000.000	
<i>Sản phẩm bổ sung</i> --- Không có sản phẩm bổ sung --- <i>Tổng phí sản phẩm bổ sung</i>									

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ	14.000.000	7.000.000	3.500.000	-
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ	14.000.000	7.000.000	3.500.000	-

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 26
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM KHỎE TRỌN VẸN

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																		
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																			
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6 đến 10</th> <th>11 đến 15</th> <th>16+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> <td>0,5%</td> </tr> </tbody> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn. 	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11 đến 15	16+	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11 đến 15	16+											
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	0,5%											
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận GTTK tính đến ngày đáo hạn trong trường hợp HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào ngày đáo hạn. 																		
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận 5% GTTK cơ bản vào ngày cuối cùng của Năm hợp đồng thứ 5, 10, 15 và 20 với điều kiện: <ol style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; và Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng. 																		
BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)																			
Bệnh ung thư	<ul style="list-style-type: none"> Ung thư giai đoạn sớm: nhận trước 150.000.000 đồng. Ung thư biểu mô tại chỗ: nhận trước 150.000.000 đồng. Ung thư nghiêm trọng: nhận số tiền cao hơn giữa 500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có). Ung thư nghiêm trọng mở rộng: nhận thêm 500.000.000 đồng với điều kiện NDBH được chẩn đoán Ung thư nghiêm trọng sau hai năm kể từ ngày có chẩn đoán Ung thư nghiêm trọng trước đó, trước khi đạt 85 tuổi hoặc từ ngày đạt 85 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp. 																		
Bệnh hiểm nghèo	<ul style="list-style-type: none"> 1 trong 23 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm: nhận 150.000.000 đồng. 1 trong 45 Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng: nhận số tiền cao hơn giữa 500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có). 																		
Điều trị tại Phòng Chăm sóc đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> Điều trị liên tục từ 5 ngày trở lên tại Phòng Chăm sóc đặc biệt (điều kiện áp dụng): nhận thêm 150.000.000 đồng, với điều kiện NDBH trước khi đạt 85 tuổi hoặc từ ngày đạt 85 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp tại thời 																		

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

	<p>điểm bắt đầu điều trị tại Phòng Chăm sóc đặc biệt.</p> <ul style="list-style-type: none">Quyền lợi này chỉ được chi trả duy nhất một lần trong thời hạn hợp đồng.
Hỗ trợ duy trì hiệu lực hợp đồng	<ul style="list-style-type: none">Khi được chẩn đoán Ung thư giai đoạn sớm, Ung thư biểu mô tại chỗ và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm, nhận 28.000.000 đồng tương đương 2 năm phí bảo hiểm.Quyền lợi này chỉ được chi trả duy nhất một lần trong thời hạn hợp đồng.
Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Nhận 5.000.000 đồng tại ngày cuối cùng của mỗi chu kỳ 5 Năm hợp đồng, đây là khoản Công Ty hỗ trợ nhằm mục đích khuyến khích thực hiện việc tầm soát Bệnh ung thư theo chỉ định của Bác sĩ, với điều kiện trong thời hạn hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">a. Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính được duy trì tối thiểu là 1 tỷ; vàb. Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; vàc. Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng.
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận số tiền cao hơn giữa 500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có).
Tử vong	Nhận số tiền cao hơn giữa 500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản; cộng với giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có); trừ đi quyền lợi bảo hiểm Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo đã được chi trả (nếu có).
QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
Thay đổi STBH	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Thay đổi phí bảo hiểm	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Rút tiền từ Giá trị tài khoản	<ul style="list-style-type: none">GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



Danh sách các Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo

Bệnh ung thư:	Ung thư giai đoạn sớm	Ung thư biểu mô tại chỗ	Ung thư nghiêm trọng	Ung thư nghiêm trọng mở rộng
	Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sớm (23 bệnh)			Bệnh hiểm nghèo giai đoạn nghiêm trọng (45 bệnh)
Hệ tim mạch	1. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành xâm lấn tối thiểu 2. Thủ thuật can thiệp mạch vành qua da 3. Đặt máy tạo nhịp tim hoặc máy khử rung tim	4. Nong và đặt stent động mạch vành 5. Điều trị bệnh van tim ít xâm lấn 6. Đặt màng lọc tĩnh mạch chủ	1. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 2. Nhồi máu cơ tim 3. Bệnh cơ tim nặng	4. Phẫu thuật van tim 5. Phẫu thuật động mạch chủ 6. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
Hệ thần kinh	7. Hôn mê kéo dài ít nhất 48 giờ 8. Phẫu thuật dẫn lưu não thất 9. Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến yên 10. Tổn thương não		7. Hôn mê kéo dài ít nhất 96 giờ 8. Đột quy 9. U não lành tính 10. Chấn thương đầu nặng 11. Phẫu thuật não hở 12. Bệnh Alzheimer hoặc Sa sút trí tuệ 13. Bệnh tế bào thần kinh vận động	14. Bệnh xơ cứng rải rác 15. Viêm não nặng do vi rút 16. Viêm màng não do vi khuẩn 17. Bệnh Parkinson nặng 18. Bại liệt
Hệ tiêu hóa – gan mật	11. Ghép ruột non 12. Phẫu thuật gan	13. Xơ gan do viêm gan siêu vi	19. Suy gan mạn 20. Viêm gan siêu vi tối cấp	21. Viêm tụy mạn tính tái phát
Hệ hô hấp - tiết niệu	14. Phẫu thuật cắt bỏ một bên phổi	15. Bệnh thận	22. Bệnh phổi mạn tính	23. Suy thận
Hệ huyết học – miễn dịch	16. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống ít nghiêm trọng 17. Thiếu máu bất sản tạm thời		24. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống 25. Thiếu máu bất sản	26. Ghép tủy xương
Các bệnh lý nghiêm trọng khác	18. Ghép giác mạc 19. Mất thị lực một mắt 20. Mất thính lực một tai 21. Bồng mức độ nhẹ	22. Liệt một chi 23. Phẫu thuật phục hồi khuôn mặt bị tổn thương do tai nạn	27. Ghép tạng 28. Bồng nặng 29. Mất khả năng sống độc lập 30. Nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp	31. Loạn dưỡng cơ 32. Mất thính lực 33. Mất khả năng phát âm 34. Bệnh giai đoạn cuối
Nhóm bệnh áp dụng trước khi đạt 18 tuổi hoặc từ ngày đạt 18 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp.			35. Bệnh Still 36. Bệnh Hemophilia nặng 37. Bệnh thấp tim 38. Bệnh xương thủy tinh 39. Tiểu đường tuýp 1 (Tiểu đường phụ thuộc Insulin) 40. Bệnh Kawasaki có biến chứng tim	41. Viêm cầu thận có hội chứng thận hư 42. Bệnh tay chân miệng nặng 43. Bệnh Wilson 44. Uốn ván thể toàn thân 45. Trạng thái động kinh

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"><thead><tr><th>Năm đóng phí</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>85%</td><td>80%</td><td>35%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></tbody></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHĐ)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2022 - 2024</th><th>2025 - 2029</th><th>2030 - 2034</th><th>Từ năm 2035 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2022 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2022 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	30	14.000			12.260	1.326	500.000			455		455
2	31	14.000			11.560	1.353	500.000			1.612		1.612
3	32	14.000			5.260	1.396	500.000			9.248		9.248
4	33	14.000			480	1.466	500.000			21.747		21.747
5	34	14.000			480	1.543	500.000		1.721	36.137		36.137
6	35	14.000			480	1.608	500.000			48.784		48.784
7	36	14.000			480	1.602	500.000			61.626		61.626
8	37	14.000			480	1.683	500.000			74.581		74.581
9	38	14.000			600	1.763	500.000			87.527		87.527
10	39	14.000			600	1.859	500.000		5.029	105.599		105.599
11	40	14.000			600	1.921	500.000			118.261		118.261
12	41	14.000			600	2.011	500.000			130.958		130.958
13	42	14.000			600	2.102	500.000			143.691		143.691
14	43	14.000			720	2.188	500.000			156.344		156.344
15	44	14.000			720	2.309	500.000		8.450	177.452		177.452
16	45	14.000			720	2.343	500.000			189.338		189.338
17	46	14.000			720	2.459	500.000			201.167		201.167
18	47	14.000			720	2.651	500.000			212.863		212.863
19	48	14.000			720	2.814	500.000			224.453		224.453
20	49	14.000			720	2.956	500.000		11.798	247.758		247.758

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tỷ vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
21	50	14.000			720	3.111	500.000			259.226		259.226
22	51	14.000			720	3.302	500.000			270.559		270.559
23	52	14.000			720	3.617	500.000			281.633		281.633
24	53	14.000			720	3.860	500.000			292.519		292.519
25	54	14.000			720	4.068	500.000			303.250		303.250
26	55	14.000			720	4.475	500.000			313.628		313.628
27	56	14.000			720	4.667	500.000			323.864		323.864
28	57	14.000			720	4.922	500.000			333.896		333.896
29	58	14.000			720	5.047	500.000			343.854		343.854
30	59	14.000			720	4.995	500.000			353.912		353.912
31	60	14.000			720	5.111	500.000			363.905		363.905
32	61	14.000			720	5.074	500.000			373.985		373.985
33	62	14.000			720	5.007	500.000			384.182		384.182
34	63	14.000			720	5.056	500.000			394.382		394.382
35	64	14.000			720	5.023	500.000			404.665		404.665
36	65	14.000			720	4.801	500.000			415.222		415.222
37	66	14.000			720	4.694	500.000			425.940		425.940
38	67	14.000			720	4.082	500.000			437.325		437.325
39	68	14.000			720	3.351	500.000			449.500		449.500
40	69	14.000			720	2.794	500.000			462.294		462.294

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tỷ vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
41	70	14.000			720	1.693	500.000			476.256		476.256
42	71	14.000			720	794	500.000			491.189		491.189
43	72	14.000			720		506.993			506.993		506.993
44	73	14.000			720		522.876			522.876		522.876
45	74	14.000			720		538.838			538.838		538.838
46	75	14.000			720		554.880			554.880		554.880
47	76	14.000			720		571.003			571.003		571.003
48	77	14.000			720		587.206			587.206		587.206
49	78	14.000			720		603.490			603.490		603.490
50	79	14.000			720		619.855			619.855		619.855
51	80	14.000			720		636.303			636.303		636.303
52	81	14.000			720		652.832			652.832		652.832
53	82	14.000			720		669.445			669.445		669.445
54	83	14.000			720		686.140			686.140		686.140
55	84	14.000			720		702.919			702.919		702.919
56	85	14.000			720		719.781			719.781		719.781
57	86	14.000			720		736.728			736.728		736.728
58	87	14.000			720		753.760			753.760		753.760
59	88	14.000			720		770.877			770.877		770.877
60	89	14.000			720		788.079			788.079		788.079

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
61	90	14.000			720		805.368			805.368		805.368
62	91	14.000			720		822.742			822.742		822.742
63	92	14.000			720		840.204			840.204		840.204
64	93	14.000			720		857.753			857.753		857.753
65	94	14.000			720		875.390			875.390		875.390
66	95	14.000			720		893.115			893.115		893.115
67	96	14.000			720		910.929			910.929		910.929
68	97	14.000			720		928.831			928.831		928.831
69	98	14.000			720		946.824			946.824		946.824
70	99	14.000			720		964.906			964.906		964.906

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	30	14.000			12.260	1.326	500.000			455		455
2	31	14.000			11.560	1.353	500.000			1.624		1.624
3	32	14.000			5.260	1.396	500.000			9.309		9.309
4	33	14.000			480	1.465	500.000			22.143		22.143
5	34	14.000			480	1.541	500.000		1.767	37.116		37.116
6	35	14.000			480	1.603	500.000			50.783		50.783
7	36	14.000			480	1.593	500.000			64.939		64.939
8	37	14.000			480	1.667	500.000			79.514		79.514
9	38	14.000			600	1.738	500.000			94.405		94.405
10	39	14.000			600	1.822	500.000		5.487	115.218		115.218
11	40	14.000			600	1.864	500.000			131.230		131.230
12	41	14.000			600	1.931	500.000			147.734		147.734
13	42	14.000			600	1.991	500.000			164.754		164.754
14	43	14.000			720	2.040	500.000			182.199		182.199
15	44	14.000			720	2.111	500.000		10.009	210.190		210.190
16	45	14.000			720	2.071	500.000			229.193		229.193
17	46	14.000			720	2.101	500.000			248.830		248.830
18	47	14.000			720	2.173	500.000			269.082		269.082
19	48	14.000			720	2.194	500.000			290.021		290.021
20	49	14.000			720	2.166	500.000		15.586	327.307		327.307

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
21	50	14.000			720	2.008	500.000			350.473		350.473
22	51	14.000			720	1.897	500.000			374.563		374.563
23	52	14.000			720	1.776	500.000			399.619		399.619
24	53	14.000			720	1.517	500.000			425.815		425.815
25	54	14.000			720	1.129	500.000			453.324		453.324
26	55	14.000			720	629	500.000			482.305		482.305
27	56	14.000			720	16	512.926			512.926		512.926
28	57	14.000			720		544.634			544.634		544.634
29	58	14.000			720		577.453			577.453		577.453
30	59	14.000			720		611.420			611.420		611.420
31	60	14.000			720		646.576			646.576		646.576
32	61	14.000			720		682.963			682.963		682.963
33	62	14.000			720		720.623			720.623		720.623
34	63	14.000			720		759.601			759.601		759.601
35	64	14.000			720		799.944			799.944		799.944
36	65	14.000			720		841.698			841.698		841.698
37	66	14.000			720		884.914			884.914		884.914
38	67	14.000			720		929.642			929.642		929.642
39	68	14.000			720		975.936			975.936		975.936
40	69	14.000			720		1.023.851			1.023.851		1.023.851

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
41	70	14.000			720		1.073.442			1.073.442		1.073.442
42	71	14.000			720		1.124.769			1.124.769		1.124.769
43	72	14.000			720		1.177.892			1.177.892		1.177.892
44	73	14.000			720		1.232.875			1.232.875		1.232.875
45	74	14.000			720		1.289.782			1.289.782		1.289.782
46	75	14.000			720		1.348.680			1.348.680		1.348.680
47	76	14.000			720		1.409.641			1.409.641		1.409.641
48	77	14.000			720		1.472.735			1.472.735		1.472.735
49	78	14.000			720		1.538.037			1.538.037		1.538.037
50	79	14.000			720		1.605.624			1.605.624		1.605.624
51	80	14.000			720		1.675.578			1.675.578		1.675.578
52	81	14.000			720		1.747.979			1.747.979		1.747.979
53	82	14.000			720		1.822.915			1.822.915		1.822.915
54	83	14.000			720		1.900.473			1.900.473		1.900.473
55	84	14.000			720		1.980.746			1.980.746		1.980.746
56	85	14.000			720		2.063.829			2.063.829		2.063.829
57	86	14.000			720		2.149.819			2.149.819		2.149.819
58	87	14.000			720		2.238.820			2.238.820		2.238.820
59	88	14.000			720		2.330.935			2.330.935		2.330.935
60	89	14.000			720		2.426.274			2.426.274		2.426.274

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
61	90	14.000			720		2.524.950			2.524.950		2.524.950
62	91	14.000			720		2.627.079			2.627.079		2.627.079
63	92	14.000			720		2.732.784			2.732.784		2.732.784
64	93	14.000			720		2.842.187			2.842.187		2.842.187
65	94	14.000			720		2.955.420			2.955.420		2.955.420
66	95	14.000			720		3.072.617			3.072.617		3.072.617
67	96	14.000			720		3.193.915			3.193.915		3.193.915
68	97	14.000			720		3.319.458			3.319.458		3.319.458
69	98	14.000			720		3.449.395			3.449.395		3.449.395
70	99	14.000			720		3.583.881			3.583.881		3.583.881

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	30	14.000			12.260	1.326	500.000			473		473
2	31	14.000			11.560	1.353	500.000			1.678		1.678
3	32	14.000			5.260	1.396	500.000			9.513		9.513
4	33	14.000			480	1.464	500.000			22.693		22.693
5	34	14.000			480	1.539	500.000		1.823	38.277		38.277
6	35	14.000			480	1.598	500.000			52.757		52.757
7	36	14.000			480	1.584	500.000			67.976		67.976
8	37	14.000			480	1.652	500.000			83.885		83.885
9	38	14.000			600	1.716	500.000			100.401		100.401
10	39	14.000			600	1.790	500.000		5.883	123.550		123.550
11	40	14.000			600	1.817	500.000			141.945		141.945
12	41	14.000			600	1.866	500.000			161.210		161.210
13	42	14.000			600	1.903	500.000			181.400		181.400
14	43	14.000			720	1.923	500.000			202.456		202.456
15	44	14.000			720	1.957	500.000		11.226	235.756		235.756
16	45	14.000			720	1.861	500.000			259.593		259.593
17	46	14.000			720	1.829	500.000			284.655		284.655
18	47	14.000			720	1.815	500.000			310.984		310.984
19	48	14.000			720	1.732	500.000			338.714		338.714
20	49	14.000			720	1.580	500.000		18.399	386.387		386.387

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
21	50	14.000			720	1.188	500.000			418.445		418.445
22	51	14.000			720	848	500.000			452.456		452.456
23	52	14.000			720	393	500.000			488.635		488.635
24	53	14.000			720		527.027			527.027		527.027
25	54	14.000			720		567.339			567.339		567.339
26	55	14.000			720		609.667			609.667		609.667
27	56	14.000			720		654.111			654.111		654.111
28	57	14.000			720		700.777			700.777		700.777
29	58	14.000			720		749.776			749.776		749.776
30	59	14.000			720		801.226			801.226		801.226
31	60	14.000			720		855.248			855.248		855.248
32	61	14.000			720		911.971			911.971		911.971
33	62	14.000			720		971.530			971.530		971.530
34	63	14.000			720		1.034.067			1.034.067		1.034.067
35	64	14.000			720		1.099.731			1.099.731		1.099.731
36	65	14.000			720		1.168.678			1.168.678		1.168.678
37	66	14.000			720		1.241.073			1.241.073		1.241.073
38	67	14.000			720		1.317.087			1.317.087		1.317.087
39	68	14.000			720		1.396.902			1.396.902		1.396.902
40	69	14.000			720		1.480.708			1.480.708		1.480.708

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
41	70	14.000			720		1.568.704			1.568.704		1.568.704
42	71	14.000			720		1.661.100			1.661.100		1.661.100
43	72	14.000			720		1.758.116			1.758.116		1.758.116
44	73	14.000			720		1.859.982			1.859.982		1.859.982
45	74	14.000			720		1.966.942			1.966.942		1.966.942
46	75	14.000			720		2.079.250			2.079.250		2.079.250
47	76	14.000			720		2.197.173			2.197.173		2.197.173
48	77	14.000			720		2.320.992			2.320.992		2.320.992
49	78	14.000			720		2.451.002			2.451.002		2.451.002
50	79	14.000			720		2.587.513			2.587.513		2.587.513
51	80	14.000			720		2.730.849			2.730.849		2.730.849
52	81	14.000			720		2.881.352			2.881.352		2.881.352
53	82	14.000			720		3.039.381			3.039.381		3.039.381
54	83	14.000			720		3.205.310			3.205.310		3.205.310
55	84	14.000			720		3.379.536			3.379.536		3.379.536
56	85	14.000			720		3.562.474			3.562.474		3.562.474
57	86	14.000			720		3.754.558			3.754.558		3.754.558
58	87	14.000			720		3.956.247			3.956.247		3.956.247
59	88	14.000			720		4.168.020			4.168.020		4.168.020
60	89	14.000			720		4.390.381			4.390.381		4.390.381

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VỆ

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%/năm					
							TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Tử vong	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
61	90	14.000			720		4.623.861			4.623.861		4.623.861
62	91	14.000			720		4.869.015			4.869.015		4.869.015
63	92	14.000			720		5.126.426			5.126.426		5.126.426
64	93	14.000			720		5.396.708			5.396.708		5.396.708
65	94	14.000			720		5.680.504			5.680.504		5.680.504
66	95	14.000			720		5.978.490			5.978.490		5.978.490
67	96	14.000			720		6.291.375			6.291.375		6.291.375
68	97	14.000			720		6.619.905			6.619.905		6.619.905
69	98	14.000			720		6.964.860			6.964.860		6.964.860
70	99	14.000			720		7.327.064			7.327.064		7.327.064

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Lưu ý chung:

1. Với mức phí bảo hiểm mà Khách hàng dự kiến tham gia, STBH có thể dao động linh hoạt phụ thuộc vào hệ số bảo hiểm tối thiểu, tối đa theo độ tuổi của NDBH. Theo đó, với lựa chọn tối đa STBH thì phí bảo hiểm rủi ro có xu hướng tăng lên, tác động giảm GTTK hợp đồng, ảnh hưởng đến yếu tố tích lũy, cũng như thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng. Vì sản phẩm bảo hiểm là một cam kết dài hạn và nhằm mục đích cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ và tích lũy cũng như khả năng đóng phí, Khách hàng có thể yêu cầu Đại lý/Tư vấn viên minh họa thời gian dự kiến đóng phí khác nhau (ví dụ 10, 15, 20 năm hoặc tùy theo khả năng) với STBH mong muốn để có thông tin về GTTK hợp đồng, thời gian duy trì hiệu lực hợp đồng tại các mức lãi suất minh họa, từ đó cân nhắc và có sự điều chỉnh phù hợp với mục tiêu bảo vệ, tích lũy.
2. Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
3. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
4. Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.
6. Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
7. Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Khỏe Trọn Vẹn** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 3,5%/năm; 3,0%/năm; 3,0%/năm; 2,0%/năm; 2,0%/năm; từ năm hợp đồng thứ 6 đến 10 là 1,5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 11 đến 15 là 1,0%/năm; và bằng 0,5% từ năm hợp đồng thứ 16 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Khỏe Trọn Vẹn** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Khỏe Trọn Vẹn** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT

KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Quyền lợi minh họa tại các mức lãi suất								
				Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 3,5%/năm			Tại mức lãi suất 5%/năm		
				Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng
1	30	14.000		1.326		455	1.326		455	1.326		473
2	31	14.000		1.353		1.612	1.353		1.624	1.353		1.678
3	32	14.000		1.396		9.248	1.396		9.309	1.396		9.513
4	33	14.000		1.466		21.747	1.465		22.143	1.464		22.693
5	34	14.000		1.543	1.721	36.137	1.541	1.767	37.116	1.539	1.823	38.277
6	35	14.000		1.608		48.784	1.603		50.783	1.598		52.757
7	36	14.000		1.602		61.626	1.593		64.939	1.584		67.976
8	37	14.000		1.683		74.581	1.667		79.514	1.652		83.885
9	38	14.000		1.763		87.527	1.738		94.405	1.716		100.401
10	39	14.000		1.859	5.029	105.599	1.822	5.487	115.218	1.790	5.883	123.550
11	40	14.000		1.921		118.261	1.864		131.230	1.817		141.945
12	41	14.000		2.011		130.958	1.931		147.734	1.866		161.210
13	42	14.000		2.102		143.691	1.991		164.754	1.903		181.400
14	43	14.000		2.188		156.344	2.040		182.199	1.923		202.456
15	44	14.000		2.309	8.450	177.452	2.111	10.009	210.190	1.957	11.226	235.756
16	45			2.450		175.161	2.179		214.592	1.970		244.781
17	46			2.693		172.614	2.341		218.984	2.073		254.152

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM TRANG NÀY CHI CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT

KHỎE TRỌN VẸN

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Quyền lợi minh họa tại các mức lãi suất								
				Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 3,5%/năm			Tại mức lãi suất 5%/năm		
				Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng
18	47			3.048		169.699	2.587		223.278	2.239		263.820
19	48			3.405		166.412	2.820		227.486	2.377		273.830
20	49			3.772		162.739	3.045		231.612	2.492		284.223
21	50			4.407		158.412	3.464		235.454	2.741		294.880
22	51			4.980		153.489	3.808		239.082	2.899		305.907
23	52			5.825		147.694	4.329		242.306	3.153		317.224
24	53			6.664		141.028	4.809		245.154	3.329		328.927
25	54			7.562		133.429	5.294		247.606	3.455		341.085
26	55			8.995		124.355	6.106		249.318	3.720		353.579
27	56			10.195		114.033	6.706		250.478	3.767		366.649
28	57			11.748		102.102	7.484		250.886	3.818		380.319
29	58			13.242		88.612	8.170		250.610	3.710		394.784
30	59			14.507		73.787	8.666		249.818	3.409		410.281
31	60			16.556		56.833	9.577		248.071	3.140		426.828
32	61			18.499		37.847	10.365		245.460	2.668		444.687
33	62			20.764		16.494	11.275		241.831	2.052		464.071
34	63		(*)			(*)	12.717		236.605	1.292		485.205

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 23 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Quyền lợi minh họa tại các mức lãi suất								
				Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 3,5%/năm			Tại mức lãi suất 5%/năm		
				Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng
35	64						14.345		229.538	297		508.417
36	65						15.890		220.651			533.099
37	66						18.479		208.814			559.014
38	67						19.798		195.220			586.225
39	68						21.078		179.847			614.797
40	69						24.778		160.167			644.798
41	70						24.851		139.723			676.298
42	71						31.562		111.730			709.374
43	72						36.953		77.267			744.103
44	73						44.284		34.131			780.569
45	74								(*)			818.858
46	75											859.062
47	76											901.276
48	77											945.600
49	78											992.141
50	79											1.041.008
51	80											1.092.319

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 24 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TRANG THAM KHẢO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ LINH HOẠT KHỎE TRỌN VẸN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Hỗ trợ chi phí tầm soát Bệnh ung thư	Quyền lợi minh họa tại các mức lãi suất								
				Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 3,5%/năm			Tại mức lãi suất 5%/năm		
				Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK của hợp đồng
52	81											1.146.196
53	82											1.202.766
54	83											1.262.165
55	84											1.324.534
56	85											1.390.022
57	86											1.458.783
58	87											1.530.983
59	88											1.606.793
60	89											1.686.393
61	90											1.769.974
62	91											1.857.733
63	92											1.949.880
64	93											2.046.635
65	94											2.148.227
66	95											2.254.899
67	96											2.366.905
68	97											2.484.511

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM
TRANG NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VÀ KHÔNG PHẢI LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 25 | 26

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

